

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Phương Lan**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đệp** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Tiêu Quang H**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà B và ông H sống chung từ năm 1998, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, lý do: trong thời gian sống chung ông H không quan tâm đến vợ con, có những lời lẽ xúc phạm đến bà, bà B cũng khuyên nhiều lần nhưng ông H không nghe còn đánh bà. Nay

bà B nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông H nên bà B yêu cầu ly hôn với ông H.

+ Việc nuôi con: Bà B và ông H có 02 người con chung gồm Tiêu Thị Thúy V, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1999 và Tiêu Quang H, sinh ngày 14 tháng 04 năm 2008. Cháu H đang sống với bà B, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản: Bà B và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu.

- Bị đơn ông Tiêu Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị B và ông Tiêu Quang H là vợ chồng.

+ Về quan hệ con: Giao con chung tên Tiêu Quang H, sinh ngày 14 tháng 04 năm 2008 cho bà B tiếp tục nuôi và về cấp dưỡng không đặt ra do không yêu cầu. Con chung tên Tiêu Thị Thúy V đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

+ Chia tài sản: Do không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Võ Thị B vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Tiêu Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Bà Võ Thị B và ông Tiêu Quang H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không có đăng ký kết hôn. Thực tế họ đã từng sống chung với nhau như vợ chồng và đã có con chung. Nay bà B có đơn yêu cầu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để

tuyên bố không công nhận bà Võ Thị B và ông Tiêu Quang H là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Việc nuôi con:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu Tiêu Quang H đang sống với bà B và phát triển bình thường, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con và Cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với bà B. Cho nên việc giao Cháu H cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Ông Tiêu Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà Võ Thị B không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Chị Tiêu Thị Thúy V đã thành niên và bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Việc chia tài sản: Bà Võ Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí:

- Bà Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền bà B đã dự nộp theo biên lai thu tiền số 0002263 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Tiêu Quang H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị B và ông Tiêu Quang H là vợ chồng.

2. Việc nuôi con:

- Giao con chung Tiêu Quang H, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2008 cho bà Võ Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Tiêu Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà Võ Thị B không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Việc chia tài sản: Bà Võ Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền bà B đã dự nộp theo biên lai thu tiền số 0002263 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Tiêu Quang H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn